TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2020
V/v:*"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đình Xuân**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Cường** và ông **Đỗ Minh Tuân**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Hồng N** - Sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Trần Anh T** - Sinh năm 1986
Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Hiện ở tại: Khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phùng Thị Hồng N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Trần Anh T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 24/11/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng với gia đình anh T tại khu 1, xã Thái N, huyện T cho đến năm 2016 thì ra ở riêng tại khu 5, thị trấn T. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn cho đến khoảng tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến hay xảy ra va chạm xích mích, cuộc sống chung không còn được hòa thuận hạnh phúc. Mặc dù gia đình có tham gia khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và hiện nay đã sống ly thân

nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể quay về sống chung sống, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Anh T.

- Về con chung: Chị và anh Trần Anh T có với nhau 02 con chung là Trần Trung K; sinh ngày 29/10/2011 (hiện nay đang ở cùng với anh T) và Trần Nhật M; sinh ngày 29/7/2014 (hiện nay đang ở cùng với chị). Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Nhật M, còn anh T sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Trần Trung K. Chị không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh Trần Anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác chị và anh Trần Anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Trần Anh T trình bày như sau:

- Anh xác nhận về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị Phùng Thị Hồng N đã trình bày ở trên. Tình cảm vợ chồng cơ bản là hòa thuận cho đến khoảng 5 tháng trở lại đây mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng có những bất đồng trong lối sống, ngoài ra còn do chị N mải chơi không để ý quan tâm đến đến gia đình là những nguyên nhân chính làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng không thể giải quyết được và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn được hòa thuận hạnh phúc vì vậy anh cũng yêu cầu được ly hôn với chị Phùng Thị Hồng N.

- Về con chung: Anh xác nhận anh và chị N có với nhau 02 con chung như chị N đã trình bày ở trên. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ các vấn đề phải giải quyết, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Hồng N và anh Trần Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên,

sau nhiều năm chung sống vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm lối sống, cả hai lại không có biện pháp tích cực để cùng giải quyết mâu thuẫn, không thực sự muốn níu kéo hôn nhân vì vậy làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và hiện nay đã không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn bất đồng khó có khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[3]. Về con chung: Chị Phùng Thị Hồng N và anh Trần Anh T có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của cả hai bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình và đây cũng là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đã được pháp luật quy định. Xét hoàn cảnh thực tế của mỗi bên thì đều có đủ điều kiện cần thiết để chăm sóc nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc chăm sóc con chung và cũng là giảm bớt khó khăn cho mỗi bên sau ly hôn, đảm bảo cho con chung có được sự chăm sóc giáo dục đầy đủ nhất và xét nguyện vọng của con chung do vậy vào thời điểm hiện tại, cần giao cho mỗi bên được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung mà cụ thể là giao cho anh Tuấn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Trần Trung K và chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Trần Nhật M là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do các bên đều không có yêu cầu nên trong vụ án này không xem xét giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Phùng Thị Hồng N và anh Trần Anh T tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về công sức đóng góp và các vấn đề khác chị Phùng Thị Hồng N và anh Trần Anh T xác nhận không có nên không giải quyết.

[6]. Án phí: Nguyên đơn là chị Phùng Thị Hồng N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Hồng N và anh Trần Anh T.

- Về con chung:

+ Giao cho chị Phùng Thị Hồng N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Nhật M - Sinh ngày 29/7/2014 (hiện đang ở với chị N);

+ Giao cho anh Trần Anh T được quyền trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng con chung là Trần Trung K - Sinh ngày 29/10/2011 (hiện đang ở với anh T)

Chị N và anh T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, chị N và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho hai bên gia đình và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Phùng Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2019/0002037 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND thị trấn T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Đình Xuân